Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8532.25.00

Mã HS	8532.25.00
Mô tả hàng hóa	Tụ điện, loại có điện dung cố định, biến đổi hoặc điều chỉnh được (theo mức định trước) / - Tụ điện cố định khác: / - - Tụ giấy hoặc plastic
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	04/11/2026 00:20:54
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85322500/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K15724
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N15724
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q15724
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E15056
ATIGA	2022	2022	0	AT!E14988
ATIGA	2023	2023	0	AT!F14988
ATIGA	2024	2024	0	AT!G14988
ATIGA	2025	2025	0	AT!H14988
ATIGA	2026	2026	0	AT!I14988
ATIGA	2027	2027	0	AT!J14988
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E15042
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F15042
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G15042

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H15042
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I15042
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J15042
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E15043
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F15043
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G15043
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H15043
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I15043
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J15043
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F15046
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H14994
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F15002
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G15002
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H15002
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I15002
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J15002
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K15002
VKFTA	2022	2022	0	VK!E15042
VKFTA	2023	2023	0	VK!F15042
VKFTA	2024	2024	0	VK!G15042
VKFTA	2025	2025	0	VK!H15042
VKFTA	2026	2026	0	VK!I15042
VKFTA	2027	2027	0	VK!J15042
VCFTA	2022	2022	0	VC!D15097
VCFTA	2023	2023	0	VC!E15097
VCFTA	2024	2024	0	VC!F15097

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G15097
VCFTA	2026	2026	0	VC!H15097
VCFTA	2027	2027	0	VC!I15097
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D15076
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E15076
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F15076
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G15076
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H15076
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I15076
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D15074
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E15074
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F15074
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G15074
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H15074
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I15074
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D15080
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E15080
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F15080
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G15080
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H15080
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I15080
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D15079
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E15079
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F15079
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G15079
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H15079

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I15079
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D15072
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E15072
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F15072
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G15072
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H15072
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I15072
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J15072
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D15067
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E15067
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F15067
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G15067
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H15067
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I15067
RCEP B	2022	2022	0	B!D15067
RCEP B	2023	2023	0	B!E15067
RCEP B	2024	2024	0	B!F15067
RCEP B	2025	2025	0	B!G15067
RCEP B	2026	2026	0	B!H15067
RCEP B	2027	2027	0	B!I15067
RCEP C	2022	2022	0	C!D15067
RCEP C	2023	2023	0	C!E15067
RCEP C	2024	2024	0	C!F15067
RCEP C	2025	2025	0	C!G15067
RCEP C	2026	2026	0	C!H15067
RCEP C	2027	2027	0	C!I15067

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D15066
RCEP D	2023	2023	0	D!E15066
RCEP D	2024	2024	0	D!F15066
RCEP D	2025	2025	0	D!G15066
RCEP D	2026	2026	0	D!H15066
RCEP D	2027	2027	0	D!I15066
RCEP E	2022	2022	0	E!D15070
RCEP E	2023	2023	0	E!E15070
RCEP E	2024	2024	0	E!F15070
RCEP E	2025	2025	0	E!G15070
RCEP E	2026	2026	0	E!H15070
RCEP E	2027	2027	0	E!I15070
RCEP F	2022	2022	0	F!D15067
RCEP F	2023	2023	0	F!E15067
RCEP F	2024	2024	0	F!F15067
RCEP F	2025	2025	0	F!G15067
RCEP F	2026	2026	0	F!H15067
RCEP F	2027	2027	0	F!I15067
VIFTA	2024	2024	0	VI!F14038
VIFTA	2025	2025	0	VI!G14038
VIFTA	2026	2026	0	VI!H14038
VIFTA	2027	2027	0	VI!I14038

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8532.25.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8532.25.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N15724), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.